

Số: 41/2025/QĐST-DS

Phú Lộc, ngày 20 tháng 6 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2025, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý 132/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2024;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2025 về việc giải quyết vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị S, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ dân phố G, thị trấn P, huyện P, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn A, sinh năm 2002; địa chỉ: C N, phường X, quận T, thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Tạ Thị H, sinh năm 1993 - Luật sư thuộc Văn phòng L; địa chỉ: C N, phường X, quận T, thành phố H.

- Bị đơn: Ông Nguyễn C, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện P, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện P, thành phố H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về di sản thừa kế: Các bên đương sự thống nhất di sản thừa kế do bà Trương Thị N để lại là thửa đất số 67, tờ bản đồ số 08, tại thôn C, xã L, huyện P, thành phố H, diện tích đo đạc theo hiện trạng là 561,9 m² đã được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/3/2006.

2.2. Về phân chia di sản thừa kế:

Những người thừa kế của bà N là bà Trương Thị S và ông Nguyễn C thống nhất thỏa thuận phân chia di sản của bà Trương Thị N như sau:

+ Giao cho bà Trương Thị S quản lý, sử dụng phần đất trồng giáp với phần đất của ông Lê H1 (Phần B - có bản vẽ kèm theo) có diện tích 194,1 m² (trong đó: 135m² đất ở và 59,1 m² đất trồng cây lâu năm khác) thuộc thửa đất số 67, tờ bản đồ số 08, tại thôn C, xã L, huyện P, thành phố H;

+ Giao cho ông Nguyễn C quản lý, sử dụng phần đất thuộc phần A (có bản vẽ kèm theo) có diện tích 367,8 m² (trong đó: 265 m² đất ở và 102,8 m² đất trồng cây lâu năm khác) thuộc thửa đất số 67, tờ bản đồ số 08, tại thôn C, xã L, huyện P, thành phố H.

Đối với ngôi nhà số 01 là tài sản của ông Nguyễn C, ngôi nhà số 02 là của bà N để lại trên đất tại phần A, các bên thống nhất giao cho ông C quản lý, sử dụng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trương Thị S và ông Nguyễn C có quyền, nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.3. Bà Trương Thị S có nghĩa vụ thanh toán tiền các loại cây trồng và tiền xây hàng rào cho ông Nguyễn C trị giá 15.000.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật và người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Trương Thị S thuận chịu và đã nộp đủ cho Tòa án.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thị S thuận chịu 9.705.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.912.600 đồng theo Biên lai số 0005448 ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H). Bà Trương Thị S phải nộp tiếp 5.792.400 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Chấn T1 chịu 17.012.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Phương Thảo

BẢN VẼ SƠ ĐỒ PHÂN CHIA THỬA ĐẤT

(Kèm theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 41/2025/QDDST-DS ngày 20/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc)

P: Phần đất giao cho Nguyễn C quản lý, sử dụng có diện tích 367,8m², trong đó có 265m² đất ở.

Phần B: Phần đất giao cho bà Trương Thị S quản lý, sử dụng có diện tích 194,1m² trong đó có 135m² đất ở.

Tài sản là ngôi nhà số A là tài sản của ông Nguyễn C, ngôi nhà số B là của bà C để lại trên đất tại phần A, các bên thống nhất giao cho ông C quản lý sử dụng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Phương Thảo